



NHÌN LẠI QUÁ TRÌNH THAM CHIẾN CỦA SƯ ĐOÀN MÃNH HỒ (HÀN QUỐC) TRONG CHIẾN TRANH XÂM LƯỢC VIỆT NAM

Nguyễn Duy Trường

Trường Đại học Khánh Hòa

Tóm tắt: Trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, Hàn Quốc là nước hưởng ứng nhiệt tình nhất lời kêu gọi của Chính phủ Hoa Kỳ. Những toán lính dũng mãnh, thiện chiến nhất của xứ Kim chi lần lượt được gửi trong 4 đợt, trong đó hùng hân nhất là lính Mãnh Hồ.

Để xứng đáng với truyền thống anh dũng của quân đội và những tờ USD đã nhận, lính Hàn Quốc nói chung, những người lính thuộc Sư đoàn Mãnh Hồ nói riêng đã dùng đến những biện pháp quân sự tàn bạo, những đòn chiến tranh tâm lý tinh vi và xáo quyet trong các cuộc hành quân tìm – diệt, gây thiệt hại đáng kể cho Quân Giải phóng trong thời gian đầu. Song, chúng vẫn chuốt lấy thất bại thảm hại, buộc phải rút về nước.

Từ khóa: Sư đoàn Mãnh Hồ, thám sát, hành quân, tìm diệt.

Chiến tranh Việt Nam giai đoạn 1965 - 1973 là thời kỳ tàn khốc, ác liệt nhất, gây thiệt hại lớn về vật chất và con người không chỉ cho Việt Nam mà còn cho cả nước Mỹ và các nước đồng minh của họ. Để quốc tế hóa cuộc chiến, Mỹ đã huy động đông đảo lực lượng quân đồng minh tham chiến. Bên cạnh quân đội Úc, New Zealand, Thái Lan, Philippines, lực lượng quân sự Hàn Quốc đã tham gia tích cực, chiếm số lượng đông đảo nhất chỉ sau quân đội Mỹ và được đánh giá rất cao về khả năng và hiệu quả tác chiến.

1. Quá trình tham chiến của Sư đoàn Mãnh Hồ tại Việt Nam

1.1. Tiến trình gửi quân

Ý định gửi quân sang Việt Nam tham chiến của Chính phủ Hàn Quốc có từ rất sớm và liên tục. Ngày 27/10/1955, họ thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam Cộng hòa, đồng thời Tổng thống Lý Thừa Vãn đề nghị gửi “*Quân đội Hàn Quốc đến Việt Nam để hỗ trợ cuộc chiến đấu chống cộng sản*”, nhưng Tổng thống Diệm đã từ chối [1, 120]. Tuy nhiên, họ vẫn tổ chức các đoàn khảo sát tình hình chiến trường miền Nam, chuẩn bị sẵn sàng mọi điều kiện khi đề nghị gửi quân của họ được chấp thuận.

Năm 1960, phong trào cách mạng miền Nam chuyển sang giai đoạn tấn công. Chính quyền Việt Nam Cộng hòa đang nguy kịch. Nhận thấy đây là cơ hội để quân Hàn Quốc có mặt tại Nam Việt Nam, tháng 11/1961 tại Hội nghị cấp Bộ trưởng Việt –

Hàn, Trưởng ban Thư ký Lee Hu Rak tuyên bố: “Chính phủ cách mạng chúng tôi tuyệt nhiên không bỏ qua khủng hoảng tại Việt Nam. Chúng tôi dự kiến trong thời gian gần nhất sẽ thành lập và đưa sang Việt Nam một đội cố vấn quân sự gồm những tướng lĩnh có kinh nghiệm trong cuộc chiến tranh Triều Tiên” [4, 44]. Trong khi đó, nhân chuyến thăm Washington D.C, Park Chung Hee kiến nghị Chính phủ Hoa Kỳ cho quân đội Hàn Quốc đến Việt Nam, nhưng bị từ chối.

Ngày 31/3/1962, Ngô Đình Diệm gửi cho Park Chung Hee bản thông điệp yêu cầu sự giúp đỡ của Hàn Quốc. Tổng thống Park Chung Hee hồi âm: “Chính phủ nhân dân Hàn Quốc sẽ hết sức hỗ trợ cho Việt Nam tự do trong giới hạn cho phép về nguồn tài nguyên quốc gia, theo thông lệ quốc tế và chú ý đến lợi ích của Hàn Quốc” [7, 255].

Tháng 5/1962, một phái đoàn quân sự gồm 15 sĩ quan cao cấp do Trung tướng Shim Hung Seon dẫn đầu, có mặt tại Sài Gòn. Phái đoàn tiến hành các hoạt động trong vòng bí mật, trên các lĩnh vực: tổ chức nhân dân chống cộng, tổ chức tình báo và hành quân, du kích chiến, xây công sự, điều khiển dụng cụ viện trợ quân sự, quân y đoàn [1, 46]. Sự hiện diện và hoạt động của phái đoàn quân sự Hàn Quốc tại Việt Nam đã khiến Chính phủ Hoa Kỳ tức giận. Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ thông cáo: “Tất cả mọi hoạt động trao đổi quân sự giữa hai nước [Hàn Quốc và Việt Nam Cộng hòa] phải được tiến hành dưới sự đồng ý của Đoàn Cố vấn Quốc sự Mỹ ở Việt Nam” [7, 45].

Ý định gửi quân sang tham chiến của Hàn Quốc trở thành hiện thực sau khi Tổng thống Johnson đọc Báo cáo của Bộ trưởng Quốc phòng McNamara: “Không còn nghi ngờ gì nữa, tình hình [Nam Việt Nam] đã trở nên xấu hơn, ít nhất cũng là từ tháng 9 [năm 1963]. 40% lãnh thổ [Nam Việt Nam] đang nằm dưới sự kiểm soát hay ảnh hưởng trôi dạt của Việt cộng. Tại 22/43 tỉnh [của miền Nam Việt Nam], Việt cộng kiểm soát trên 50% đất đai”[2,279] và quyết định leo thang trong chiến tranh Việt Nam. Ngày 9/5/1964, Mỹ chính thức gửi công hàm cho 25 nước đồng minh, yêu cầu cùng chia sẻ trách nhiệm với Mỹ ở Việt Nam. Ngày 15/7/1964, Thủ tướng Nguyễn Khánh gửi công hàm chính thức đề nghị 34 nước chi viện quân sự: “Sự uy hiếp xâm lược của chủ nghĩa cộng sản không chỉ tạo nên tình trạng nguy hiểm cho riêng miền Nam Việt Nam mà còn ảnh hưởng đến việc bảo vệ an ninh các nước Đông Nam Á, thậm chí uy hiếp trực tiếp đến việc bảo đảm an ninh và hòa bình toàn thế giới tự do”. Song, nhiều nước phản ứng khá dè dặt. Chỉ có Hàn Quốc nhiệt tình hưởng ứng cùng các nước Úc, New Zealand, Thái Lan, Philippines, Puerto Rico (khi đó chưa thuộc Mỹ) gửi quân tham chiến tại Việt Nam, với sự hỗ trợ hậu cần của Nhật Bản, Singapore...

Có thể nói, Hàn Quốc là nước hưởng ứng nhiệt tình nhất lời kêu gọi của Chính phủ Hoa Kỳ. Họ gửi quân sang Việt Nam trong 4 đợt:

- *Đợt 1*: Đoàn Chi viện với 200 quân được biên chế vào Đoàn Huấn luyện viên Taekwondo và Đơn vị Phẫu thuật Quân y Lưu động cấp cảng Vũng Tàu vào ngày 22/9/1964.

- *Đợt 2*: đến Sài Gòn trong 2 đợt (đợt 1 vào ngày 25/2, đợt 2 vào ngày 16/3) bao gồm công binh, nhân viên y tế, nhân viên liên lạc, quân cảnh... tham gia các hoạt động chống nổi dậy, xây cầu, đường sá, khám chữa bệnh cho quân nhân và quần chúng.

- *Đợt 3*: đến Sài Gòn vào ngày 2/11/1965, với 18.500 quân, gồm 1 Lữ đoàn Linh thủy đánh bộ (4.480 quân), 1 Sư đoàn Lục quân và Bộ Tư lệnh Chi viện Quân nhu (13.830 người).

- *Đợt 4*: Ngày 16/4/1966, Đơn vị Eun San Jin cập cảng Quy Nhơn (Bình Định). Ngày 9/8/1966, Đội tiền trạm của Sư đoàn Bạch Mã cập cảng Cầu Đá (Nha Trang – Khánh Hòa). Ngày 30/8/1966, Đoàn chi viện đợt 1 có mặt tại miền Nam vào ngày 3/10/1966.

1.2. Cơ cấu Sư đoàn Mãnh Hồ tại miền Nam Việt Nam

Ngày 13/8/1965, Quốc hội Hàn Quốc thông qua đạo luật cho phép Sư đoàn Thủ đô là Sư đoàn thiện chiến nhất, sang miền Nam Việt Nam tham chiến với tên gọi là Sư đoàn Mãnh Hồ. Sở chỉ huy đóng tại thung lũng Vân Canh (huyện Vân Canh, Bình Định), dưới sự chỉ huy của Thiếu tướng Lee Hyung Hyun – Tư lệnh. Thiếu tướng Lee Pong Joon – Phó Tư lệnh.

Lực lượng của Sư đoàn có 18.111 quân với 2 Trung đoàn Bộ binh (Trung đoàn Bộ binh 1 đóng tại Phù Cát – Bình Định và Trung đoàn Bộ binh 26 đóng tại Sông Cầu – Phú Yên), 1 Trung đoàn Kỵ binh Thiệp giáp (Trung đoàn 20) đóng tại Bình Khê (Bình Định), 3 Tiểu đoàn pháo 105mm (Tiểu đoàn 10, 60, 61), 1 Tiểu đoàn pháo 155mm (Tiểu đoàn 628), 1 Phi đội Không quân và 7 Đại đội yểm trợ: Đại đội quân y, trinh sát, thông tin, quân cảnh, hậu cần, thiết giáp, dự bị. Ngoài ra, Sư đoàn thành lập một lực lượng trực thuộc, gồm 45 quân tinh nhuệ, chia thành 3 nhóm (A, B, C) tương ứng với các biệt hiệu *Assassin* (Sát thủ), *Barbaicans* (Mọi rợ) và *Cutthroats* (Cắt cổ), do Trung tá Gerald Morse chỉ huy. Nhiệm vụ của 45 thành viên là đánh bại kẻ thù hoạt động trong các đường hầm dưới lòng đất, đặt các bẫy treo chết người và nhanh chóng biến mất vào rừng sâu khi bị phản công, tìm kiếm căn cứ của kẻ thù và yêu cầu không kích viện trợ.

Theo thỏa thuận, Sư đoàn Mãnh Hồ có nhiệm vụ trấn giữ toàn bộ khu vực phía Bắc Vùng II Chiến thuật. Nếu làm chủ được khu vực này không những tạo được thế chia cắt, cô lập chiến trường miền Nam với miền Bắc Việt Nam mà còn làm chủ trục đường 19, bắt đầu từ Quy Nhơn (Bình Định) qua An Khê lên Plâycu (Gia Lai), kéo dài đến biên giới Campuchia. Do đó, lính Mãnh Hồ được lệnh *sẵn sàng xả súng bắn giết bất cứ thứ gì di chuyển*.

Việc Mỹ bố trí các Sư đoàn Mãnh Hồ, Bạch Mã và Lữ đoàn Rồng Xanh chốt giữ ở những chiến trường trọng điểm của Quân khu V, từ Ninh Thuận đến Quảng Nam – nơi được Mỹ và chính quyền Sài Gòn gọi là Vùng II Chiến thuật, cho thấy họ rất tin tưởng và đánh giá cao những ưu điểm vượt trội trong tác chiến của quân đội Hàn Quốc, ngoài ra còn là một tính toán sâu xa của Mỹ, vì những biến động trên chiến trường miền Nam không cho phép Lầu Năm Góc thực hiện kế hoạch tác chiến theo trình tự định sẵn, buộc họ phải “nhảy cóc” mới có thể rút ngắn thời gian, bỏ qua nhiệm vụ của giai đoạn 1 “là phải đảm bảo an toàn lực lượng trong các khu vực căn cứ” và giai đoạn 2 “là tổ chức những cuộc hành quân tuần tiễu có tính chất tiên công”, để chuyển sang thực hiện nhiệm vụ của giai đoạn 3 “là tổ chức những cuộc hành quân tìm – diệt” - một giai đoạn mà ở đó, lính Mỹ hoàn toàn chưa có kinh nghiệm tác chiến [Theo “Cuộc chiến tranh Mười nghìn ngày”, tác giả Maicon Macclia]. Lính Hàn Quốc nhanh chóng nổi danh là lực lượng chiến đấu hung dữ trong các cuộc hành quân bình định và tìm diệt ở Duyên hải miền Trung, chia sẻ gần 40% nhân lực và sinh mạng chiến tranh cho Mỹ.

Sư đoàn Mãnh Hồ rời Việt Nam vào ngày 29/3/1973.

2. Hoạt động của Sư đoàn Mãnh Hồ tại chiến trường miền Nam Việt Nam

Nhận xét về tổ chức và hiệu suất chiến đấu của các lực lượng quân sự Hàn Quốc tại miền Nam

Việt Nam, tướng Westmoreland đánh giá đó là “quân đội có tinh thần chiến đấu và năng lực chuyên môn cao, có quyết định táo bạo”^[6]. Nigel Smuckatelli - một cựu binh Mỹ, đăng trên trang cá nhân: “Người Hàn là những chiến binh ra trò phần lớn bởi vì họ không phải lo lắng bởi bất cứ thứ luật lệ nào. Họ đánh nhau với kẻ thù và với bất cứ ai (dân ông, dân bà, con trẻ) thứ gì cản đường họ đều bị quét sạch. Chính sách binh địa (quét sạch, giết sạch...) này giúp nhanh chóng loại bỏ quân địch và không để sót lại ai để mà phàn nàn sau này”.

2.1. Mở các cuộc hành quân Tìm – Diệt

Để phối hợp thực hiện chiến lược “Tìm và Diệt” của quân đội Mỹ, quân Hàn Quốc áp dụng chiến lược “Căn cứ chiến thuật đại đội” – một hệ

thống căn cứ phòng thủ tứ phương. Do vậy, các lực lượng chiến đấu Hàn Quốc lập nhiều căn cứ cấp đại đội ở nhiều nơi, nhằm ngăn chặn sự tấn công từ Quân Giải phóng, đồng thời chúng tổ chức các đợt càn quét lớn và rộng. Đêm đêm, các toán lính luân phiên đi phục kích các vị trí nghỉ ngơi với sự hung hãn, tàn bạo. Khi đi càn, chúng luôn luôn đi đầu và được yểm trợ bởi trực thăng, pháo binh và bộ binh Mỹ.

Theo thống kê chính thức của Chính phủ Hàn Quốc, từ tháng 10/1965 - 3/1973, quân đội nước này đã tiến hành và tham gia tiến hành 1.170 cuộc hành quân quy mô cấp đại đội trở lên, hơn 556.000 cuộc hành quân quy mô cấp trung đội trở xuống^[6,223]. Trong đó, “thành tích” tham chiến của Sư đoàn Mãnh Hồ như sau:

Đơn vị	Phân cấp	Tổng cộng	1965	1966	1967	1968	1969	1970	1971	1972
Sư đoàn Mãnh Hồ	Sư đoàn	16		3	3	5	1	2	2	
	Tiểu đoàn	60	1	11	7	11	18	4	4	4
	Đại đội	441	9	21	27	35	88	143	93	25
	Tổng cộng	517	10	35	37	51	107	149	99	29

Bảng 1. Tình hình tác chiến của Sư đoàn Mãnh Hồ

tại Nam Việt Nam, từ cấp đại đội trở lên (từ tháng 10/1965 – 12/1972)^[6,223]

Đơn vị	Cuộc hành quân thông thường
Sư đoàn Mãnh Hồ	99.818

Bảng 2. Những cuộc hành quân thông thường của Sư đoàn Mãnh Hồ

tại miền Nam Việt Nam (từ cuối năm 1965 đến ngày 31/8/1969)^[2]

Chiến dịch	Thời gian	Địa điểm	Lực lượng	Hoạt động
Kẻ nghiền nát	28/1 – 5/2/1966	Bình Định	Sư đoàn Mãnh Hồ (phối hợp)	Tiêu diệt lực lượng Sư đoàn 3 Quân Giải phóng
Cánh trắng I	7/2 – 14/2/1966			
Cánh trắng II	14/2 – 6/3/1966			
Paul Revere/Thần Phong 14	10/5 – 31/7/1966	Đắc Lắc và Gia Lai	2 Tiểu đoàn Mãnh Hồ (phối hợp)	Rà soát khu vực biên giới; Ngăn chặn một đợt tấn công của quân cách mạng.
Đức Cơ	9 – 10/8/1966	Phía Tây quốc lộ 19, tỉnh Gia Lai	Đại đội 9 thuộc Trung đoàn Kỵ binh Thiết giáp, Sư đoàn Mãnh Hồ	Tấn công Tiểu đoàn 5 (+) thuộc Trung đoàn 88, Sư đoàn 308.
Hong Kil Dong	9/7 – 26/8/1967	Phú Yên và Khánh Hòa	Sư đoàn Mãnh Hồ + Sư đoàn Bạch Mã	Đối phó các lực lượng du kích địa phương của Phú Yên, Khánh Hòa và quân chính quy miền Bắc Việt Nam.
Oh Jak Kyo I	8/3 – 31/5/1968	Phú Yên	Sư đoàn Bạch Mã + Sư đoàn Mãnh Hồ	Tấn công Trung đoàn 10, Sư đoàn 5 Bộ binh.
An Khê	10 – 26/4/1972	Bình Định	Trung đội 2 thuộc Tiểu đoàn 25 + Trung đội 8 và Trung đội Tim diệt thuộc Tiểu đoàn 1 +	Đối phó với Tiểu đoàn 12 + Đại đội 63 thuộc Tiểu đoàn 95B + Đại đội Đặc

			Tiểu đoàn Kỵ binh Thiết giáp, Sư đoàn Mãnh Hồ	công 450 Bắc Việt Nam + các lực lượng du kích Bình Định.
--	--	--	---	---

Bảng 3. Một số cuộc hành quân Tìm – Diệt do Sư đoàn Mãnh Hồ trực tiếp tiến hành hoặc cùng tham gia tiến hành với đồng minh [Nguồn: <https://www.hinhanhlichsu.org>]

Các cuộc hành quân Tìm – Diệt của lính Mãnh Hồ đã gây tổn thất rất lớn cho các Lực lượng vũ trang Giải phóng miền Nam, trong đó nổi bật là trận Đức Cơ diễn ra từ ngày 9 – 10/8/1966, tại phía Tây Quốc lộ 19 thuộc địa phận tỉnh Gia Lai, giữa Đại đội 9 thuộc Trung đoàn Kỵ binh Thiết giáp, Sư đoàn Mãnh Hồ với Tiểu đoàn 5 thuộc Trung đoàn 33, Sư đoàn 308 của Quân Giải phóng. Kết quả, lính Mãnh Hồ đã đẩy lùi được cuộc tấn công của Tiểu đoàn 5, gây tổn thất lớn về nhân mạng cho Quân Giải phóng. Chiến dịch Hong Kil Dong do Trung tướng Chae Myung-shin chỉ huy, diễn ra trong 48 ngày từ ngày 9/7 – 26/8/1967, tại khu vực gần Tuy Hòa, Phú Yên. Kết quả, lính Hàn Quốc chiến thắng về chiến thuật. Đây là chiến dịch lớn nhất của các lực lượng quân Hàn Quốc trong chiến tranh xâm lược Việt Nam. Ngoài ra, lính Sư đoàn Mãnh Hồ còn trực tiếp tiến hành hoặc phối hợp tiến hành một số chiến dịch khác, như chiến dịch Paul Revere/Thần Phong 14 (10/5 – 31/7/1966, tại Đắc Lắc và Gia Lai), chiến dịch Oh Jak Kyo 12 (8/3 – 31/5/1968, tại Phú Yên), chiến dịch An Khê (10 – 26/4/1972, tại Bình Định),...

Khi tổ chức các cuộc hành quân cấp đại đội trở lên, lính Mãnh Hồ thường xuất quân đến mục tiêu theo đội hình trung đội hàng ngang, mỗi trung đội cách nhau từ 150 - 200m, tùy theo từng loại địa hình. Trong các cuộc hành quân luôn có 1 trung đội ở phía sau làm nhiệm vụ bảo vệ an ninh cho bộ phận chỉ huy. Khi cần thiết, lực lượng này sẽ đóng vai trò là lực lượng phản ứng nhanh của cuộc hành quân. Các trung đội còn lại được triển khai theo đội hình chữ V, hoặc đội hình chiếc nêm lật ngược. Trong mỗi trung đội, các tiểu đội đi đầu có nhiệm vụ bọc lấy cánh trái và cánh phải, tiểu đội còn lại tiến hành lực soát hoặc tổ chức tiến công tùy theo mục đích của cuộc hành quân. Các cuộc lực soát được tiến hành rất kỹ lưỡng, tỉ mỉ, ác liệt và tàn bạo. Khi một làng bị lực soát, họ gom dân vào một nơi để khai thác tin tức. Thường là dân bị chia theo tuổi tác và giới tính. Phụ nữ và trẻ em được chia thành 2 nhóm riêng. Nam giới bị thẩm vấn riêng. Khi khai thác thông tin, bên cạnh các biện pháp quân sự rất tàn ác, chúng còn dùng vật chất để mua chuộc. Nham hiểm hơn, chúng còn tổ chức kết nghĩa với các địa phương - nơi đóng quân, như Tiểu đoàn Thiết giáp 2 Sư

đoàn Mãnh Hồ kết nghĩa với làng Đa Ngư (Bình Khê, Bình Định)... nhằm mua chuộc, lấy lòng người dân, xuyên tạc sự hiện diện của chúng ở Việt Nam.

2.2. Thăm sát thường dân

Cùng với những cuộc hành quân càn quét là những vụ thăm sát thường dân Việt Nam của binh lính Hàn Quốc. Những vụ thăm sát xảy ra tập trung vào năm 1966 và 1967, ở Phú Yên, Bình Định và Quảng Ngãi, khi chúng thực hiện đồn dân để lập vành đai trắng bảo vệ căn cứ. Mục đích của những vụ thăm sát nhằm khủng bố tâm lý: gây cảm giác rầy rứt, hồi hận, chán nản trong lòng các chiến sỹ cách mạng, cho rằng vì hoạt động của mình mà thường dân bị sát hại đã man; gửi thông điệp đến người dân: nếu chưa chấp Việt cộng sẽ bị trừng trị nặng nề.

Sau hơn 8 năm tham chiến, các lực lượng quân viễn chinh Hàn Quốc đã gây ra nhiều vụ thăm sát đẫm máu khắp các làng quê miền Trung. Theo số liệu thống kê chưa chính thức của Cục Nghiên cứu thuộc Tổng cục Chính trị (Quân đội Nhân dân Việt Nam), có hơn 5.000 thường dân Việt Nam đã bị lính Hàn Quốc thăm sát. Còn theo phát biểu của bà Nguyễn Thị Bình – Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Chính phủ Lâm thời miền Nam Việt Nam tại Hội nghị Paris 1973, nói rằng có khoảng 3.000 vụ thăm sát do quân đội Hàn Quốc tiến hành trong thời gian tham chiến tại Việt Nam. Tuy nhiên, trong Luận án Tiến sỹ, trên cơ sở thực tế khi đi điền dã và các nguồn tư liệu khác, tác giả Ku Su Jeong thống kê được khoảng 9.000 dân thường bị giết hại trong tổng số 80 vụ thăm sát do lính Hàn Quốc gây ra ở dải đất hình chữ S.

Trong Bút ký *Xuân 1975 - Đất Quảng*, Triệu Xuân đã viết về một cuộc thăm sát của lính Hàn Quốc: “Trên doi đất nhô ra sông Thu Bồn, cách cụm cứ diêm Nông Sơn không đầy hai giờ đi thuyền, cách đây năm mùa Xuân, bọn đánh thuê Nam Triều Tiên đã bắt hàng chục người toàn phụ nữ, cụ già và con nít trong làng xếp thành một hàng, rồi dùng tiêu liên bắn chết. Cùng ngày đó, Đài Phát thanh Sài Gòn, một thứ tiếng nói của loài thú, đưa tin: *Quân đội đồng minh trong một trận đọ súng ở cách Tây Nam Đà Nẵng 65km đã bắn hạ một đại đội Việt cộng*”.

Vụ thăm sát	Thời gian	Địa điểm	Số người bị giết hại
Nhơn Mỹ	15/10/1965	Nhơn Mỹ, An Nhơn, Bình Định.	30
Thái Bình	2/1966	Khu vực Thái Bình, làng Sơn Mỹ, Bình Định.	65
Bình An/	12/2 – 17/3/1966	15 thôn thuộc làng Bình An (nay là 3 xã	1.200

Tây Vinh		Tây Vinh, Tây Bình, Tây An thuộc huyện Tây Sơn, Bình Định).	
Bình Tai	9/10/1966	Làng Bình Tai, Phước Bình, Sông Bé (nay là phường Phước Bình, thị xã Phước Long, Bình Phước).	168
Tuy An – Tuy Hòa	17/3 – 15/4/1967	Huyện Tuy An, Phú Yên	451
Phước Tân	20/12/1967	Xã Phước Tân (Sơn Hòa, Phú Yên)	65

Bảng 4. Một số vụ thảm sát do lính Sư đoàn Mãnh Hổ gây ra tại miền Nam Việt Nam [Nguồn: Tác giả tổng hợp]

Sự xuất hiện của lính Mãnh Hổ nói riêng, lính Hàn Quốc nói chung là nỗi khiếp đảm với người dân Phú Yên, Bình Định, Quảng Ngãi, Quảng Nam... Chỉ cần một lính Hàn bị giết, họ sẽ đem cả làng bị nghi ngờ ra xử bắn. Xả súng, ném lựu đạn vào đám đông, phóng lửa đốt nhà, đốt làng, hãm hiếp phụ nữ đến chết, xé đôi trẻ con... những gì đen tối nhất của thảm sát, của chiến tranh đều có thể tìm thấy ở những nơi lính Hàn càn quét, giết chóc.

Chỗ nào lính Đại Hàn qua

Giếng sâu thuốc độc đã hòa nước trong

(Đốt vườn ở Kim Sơn, Luân Hoán)

Ban đầu, quân Mỹ và đồng minh mở các chiến dịch “tìm - diệt” để truy lùng và tiêu diệt các đơn vị Quân Giải phóng, nhưng càng về sau chẳng thấy đối phương đâu trong khi bất cứ lúc nào họ cũng có thể bị tấn công. Các chiến dịch “tìm diệt” thường gây thương vong cho dân thường vì nhầm lẫn người dân là Quân Giải phóng, thậm chí gây ra các vụ thảm sát thường dân tại các khu vực Quân Giải phóng thường hoạt động hoặc do người dân ở khu vực đó che giấu và cung cấp nhân lực, vật lực, tài chính cho Quân Giải phóng. Và, nó đã thất bại khi thương vong quá lớn, gây phẫn nộ trong dư luận Hoa Kỳ và quốc tế “Tôi nói thẳng cho anh biết tôi chưa bao giờ là người hãm mộ cuộc chiến đó [chiến tranh Việt Nam] cả. Tôi nghĩ đó là cuộc chiến tồi tệ và nó ở rất xa”, “Cuộc chiến đó không phải là thứ

mà chúng ta [Hoa Kỳ] lẽ ra nên tham gia” – là lời của Tổng thống Mỹ Donald Trump trả lời nhà báo Anh Piers Morgan trên kênh truyền hình ITV, phát sóng ngày 5/6/2019. Tướng John Wilton, cựu Tổng tham mưu trưởng quân đội Úc tại Việt Nam, nói: “Người Mỹ đã đánh giá quá thấp cái giá của cuộc chiến ở Việt Nam ngay từ đầu. Họ hoàn toàn không hiểu tính chất của cuộc chiến mà vẫn lao vào, kết quả là thất bại” [Trích từ Báo Người lao động, 2012].

KẾT LUẬN

Hung bạo, tàn ác là điểm nổi bật nhất trong hoạt động tác chiến của các lực lượng chiến đấu Hàn Quốc nói chung, lính Sư đoàn Mãnh Hổ nói riêng trong chiến tranh xâm lược Việt Nam. Mặc dù đã dùng đến những biện pháp quân sự tàn bạo, những đòn chiến tranh tâm lý tinh vi và xảo quyệt, song vẫn chuốc lấy thất bại thảm hại. Chúng đã bị quân và dân ta, đặc biệt là các lực lượng vũ trang Khu 5 đánh trả quyết liệt, buộc phải thu hẹp địa bàn đóng quân và giảm bớt những hành động tàn bạo. Cuối cùng, toàn bộ số quân có mặt tại Việt Nam phải rút về nước.

Trong xu hướng toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, gác lại quá khứ, hướng về tương lai. Quan hệ Việt Nam – Hàn Quốc đang ngày càng phát triển, đó cũng chính là sửa chữa những sai lầm của cuộc chiến tranh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Hồ sơ v/v ngoại giao* – FOND Đệ nhất Cộng hòa (1962), “Embassy of Vietnam Seoul kính gửi ông Bộ trưởng Ngoại giao về Thông điệp của Tổng thống Việt Nam Cộng hòa gửi Tổng thống Đại Hàn, ngày 25/4/1962”, Hộp số 959, hồ sơ 9289, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II.
2. *Hồ sơ v/v ngoại giao* – FONT Đệ nhị Cộng hòa (1969), “*Những hoạt động của quân lực Đại Hàn tại Việt Nam Cộng hòa trong 4 năm qua*”, Hồ sơ 532, Hộp số 57, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II.
3. Choi Yong Ho (2004), *Chiến tranh Việt Nam và Quân đội Hàn Quốc*, Viện Nghiên cứu Biên soạn Quân sự Bộ Quốc phòng, Seoul.
4. Song Jeong Nam (2006), *Hàn Quốc tham chiến tại Việt Nam – Động cơ và bối cảnh*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 5.
5. Ku Su Jeong: *The secret tragedy of Vietnam*, 273th edition of “The Hankyoreh21”/2. Sep, 1999.
6. Ku Su Jeong: *Mối quan hệ Việt – Hàn trong và sau chiến tranh của Mỹ tại Việt Nam (1955 - 2005)*, Luận án Tiến sĩ lịch sử, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2008.
7. Lee Sang Woo (8/1983), *Một tư liệu – Việc gửi quân sang Việt Nam*, Nguyệt san Chosun.

LOOKING BACK AT THE DIVISION'S COMBAT PROCESS: THE TIGER (KOREA) DURING THE VIETNAM INVASION WAR

Nguyen Duy Truong
University of Khanh Hoa

Abstract: *During the war of invasion to Vietnam, Korea was the country that most enthusiastically responded to the call of the US Government. The most powerful and friendly soldiers of the land of Kimchi were sent in orderly in 4 waves, one of them – the most ferocious was the Tiger soldiers.*

To deserve the heroic tradition of the military and the USD bills received, Korean soldiers in general, and the soldiers of the Tiger Division in particular, being resorted to brutal military measures and devastating strikes. Sophisticated and cunning in search and destroy operations, caused considerable damage to the liberation army in the early days. However, they still took care of catastrophic defeat, forced to withdraw to the country.

Key words: *The Tiger Division, the massacre, march, seek destruction.*